

Bản án số: 56/2024/HS-ST

Ngày 23 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Nhật Duật

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Kim Thủy và ông Trần Văn Sinh

- **Thư ký phiên tòa:** bà Hà Thanh Hương- Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Kiều H (tên gọi khác: không), sinh ngày 27/11/1990 tại huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Bùi Thị T1; có chồng là Phan Văn H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

2. Họ và tên: Vũ Văn D (tên gọi khác: không), sinh ngày 24/8/1987 tại huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B và bà Trương Thị M; có vợ là Nguyễn Thị D1 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/5/2016, TAND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Khắc H2 (tên gọi khác: không), sinh ngày 11/01/1984 tại thành phố T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số nhà F ngõ H, phố L, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ

học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc K và bà Nhâm Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị D2 và 02 con; tiền án: (1) Ngày 22/3/2017, bị TAND thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 20/3/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành phần dân sự của bản án; (2) ngày 28/8/2020, bị TAND quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 06/3/2023 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; nhân thân: bị bắt ngày 13/12/2023, đến ngày 22/12/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Bình khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

4. Họ và tên: Trần Văn Q (tên gọi khác: không), sinh ngày 22/3/1974 tại quận N, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số nhà A, đường L, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T3 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thị Ngọc H3; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 24/3/1997, bị TAND thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người”; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* bà Hoàng Thị L1 - Luật sư Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo D và bị cáo Q:* ông Đào Bá Y - Luật sư Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo H2:* ông Đặng Duy M1 - Luật sư Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Đăng H4, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu H, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

+ Anh Lê Quang T4, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu C, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn L2; sinh năm 1966; địa chỉ: Khu G, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 12/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q tiến hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ S thuộc khu G, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; phát hiện tại phòng 302 có Trần Văn Q, phòng 502 có

Trần Thị Kiều H có dấu hiệu tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

T5 tại phòng 302: thu trên tấm trần thạch cao trong phòng tắm 03 túi nylon bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục, kết quả giám định là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 267,432 gam.

T5 tại phòng 502: thu trên cửa sổ phòng 01 túi nylon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, kết quả giám định là ma túy loại Ketamine, khối lượng 5,487 gam; thu trong ngăn kéo bàn trang điểm 02 đoạn ống nhựa và trong thùng rác dưới bàn trang điểm 01 chai nhựa màu trắng, trên nắp chai đục hai lỗ.

Trần Văn Q khai nhận số ma túy thu tại phòng 302 nhà nghỉ SAPPHIRE là của Nguyễn Khắc H2 nhờ Q cất giấu hộ mục đích để bán; Trần Thị Kiều H khai nhận trước đó cùng với Vũ Văn D thuê phòng 502 Nhà nghỉ SAPPHIRE để chờ khách mua ma túy đến giao dịch.

Ngày 13/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn Q, Trần Thị Kiều H và Vũ Văn D. Vật chứng thu giữ:

- Tại nơi ở của Trần Văn Q (số nhà C, Ngách C đường T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng): T5 tại góc xếp 01 túi nylon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 01 tờ tiền 2000 đồng trên mặt có chất bột màu trắng, tổng khối lượng 1,635 gam, kết luận giám định là ma túy loại Ketamine; 02 túi nylon bên trong mỗi túi có bám dính chất bột, tổng khối lượng 0,168 gam, kết luận giám định là ma túy loại MDMA; 01 bình thủy tinh màu trắng, 01 ống hút.

- Tại nơi ở của Trần Thị Kiều H (Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng): T5 tại ngăn tủ quần áo trong phòng ngủ 01 bình thủy tinh, 02 ống bằng nhựa, 01 chiếc bật lửa, nhiều vỏ túi nylon.

- Tại nơi ở của Nguyễn Khắc H2 (thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng): Thu trong ngăn kéo bàn trong phòng ngủ tại góc xếp: 01 túi nylon chứa 02 viên nén màu hồng, tổng khối lượng 0,666 gam kết luận giám định là ma túy loại MDMA, 05 túi là nylon dính chất bột màu trắng dạng vệt, không xác định được khối lượng, kết luận giám định là ma túy loại Methamphetamine và Ketamine. T5 tại gầm giường: 01 lọ thủy tinh, 01 lọ nhựa dán nhãn STING. T5 tại ngăn kéo bàn trang điểm phòng ngủ tầng 2: 01 túi ni lon màu trắng bên trong chứa 412,26 gam bột màu trắng, giám định không tìm thấy chất ma túy.

(Kết luận giám định số 599 ngày 19/5/2023; số 624 ngày 23/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q và Kết luận giám định số 4626 ngày 5/7/2023 của V Bộ C1).

Kết quả giám định nước tiểu, xác định trong mẫu nước tiểu ghi thu của Trần Thị Kiều H, Trần Văn Q có ma túy Methamphetamine; của Vũ Văn D có ma túy Methamphetamine, MDMA, và D3 (Kết luận giám định số 604 ngày 20/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q).

Quá trình điều tra, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Trần Thị Kiều H và Vũ Văn D có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau; Vũ Văn D và Nguyễn Khắc H2 là bạn quen biết nhau trong thời gian đi chấp hành án phạt tù tại trại giam X, thành phố Hải Phòng; thông qua D thì Huế cũng quen biết

H2. Tháng 3/2023, D cho H2 mượn nhà của D tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng để ở.

Ngày 09/5/2023, đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ) đặt mua của Huế 300 gam ma túy Ketamine. Huế gọi điện thoại bảo D hỏi H2 có ma túy Ketamine bán không. Sau đó, D gọi điện thoại cho H2, H2 thông báo cho D giá mua vào là 65.000.000 đồng/100 gam Ketamine, D báo lại cho H và bảo H yêu cầu C đặt cọc 10.000.000 đồng. Sau đó, H trực tiếp gọi điện thoại cho H2, nói có C đặt mua 300 gam ma túy Ketamine, H2 bảo Huế báo giá với khách 75.000.000 đồng/100 gam, H2 nói với H khi nào có ma túy sẽ báo lại cho H, H đồng ý. Ngày 11/05/2023, H2 gọi điện thoại cho H thông báo đã có đủ số ma túy Huế đặt mua, đồng thời bảo H chọn địa điểm giao nhận ma túy tại thị xã Q. Ngay sau đó, H gọi điện thoại thông báo cho D và rủ D đi cùng sang thị xã Q nhận ma túy của H2 để bán cho C và bảo D mang theo ma túy sang nhà nghỉ S để sử dụng, D đồng ý. Sau đó, H đi taxi đến nhà nghỉ H5 thuộc thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng đón D, tại đây D đưa cho H 01 túi nilon đựng ma túy đá, 01 túi nilon đựng 02 viên ma túy hồng phiến, 03 ống hút nhựa, 01 bật lửa và 01 tờ giấy bạc, H cất vào túi xách của H rồi cùng D đi sang thị xã Q.

Khoảng 00 giờ ngày 12/5/2023, H và D đến nhà nghỉ S, rồi thuê phòng 502 để nghỉ và chờ C đến giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, H thông báo địa điểm trên cho H2 và C biết. Một lúc sau, D gọi điện thoại cho H2 hỏi đã đi đến đâu, đồng thời thông báo cho H2 biết H và D đang ở phòng 502. Trong lúc chờ H2 và C đến, Huế lấy số ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy mà D và H mang theo trên để lên bàn uống nước. D lấy 01 chai nước lọc, 03 ống hút chế thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, H trực tiếp lấy ma túy đá và 02 viên ma túy hồng phiến cho vào tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng cuộn lại đổ vào phễu giấy bạc gắn trên bộ dụng cụ sử dụng ma túy, rồi bật lửa châm đốt ma túy cùng D sử dụng.

Cũng trong thời gian trên, sau khi thống nhất thỏa thuận mua bán ma túy với H, H2 gọi điện thoại rủ Trần Văn Q đi cùng mang ma túy đến Nhà nghỉ S bán cho H, Q đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 12/5/2023, H2 mang theo 300 gam ma túy Ketamine đi taxi (không rõ hãng và không rõ biển kiểm soát) cùng với Q đến điểm hẹn. Khi đến nơi, H2 giao ma túy cho Q quản lý, rồi lên phòng 502 trước gặp Huế và D. Khi vào trong phòng, H bảo H2 chưa thấy C đến, H2 nhìn thấy bộ sử dụng ma túy có sẵn ma túy đá và hồng phiến để trên bàn uống nước trong phòng, Hà tự cầm bật lửa châm đốt sử dụng.

Sau đó, H2 xuống cửa nhà nghỉ đón Q cầm theo ma túy vào thuê phòng 302 để nghỉ. Khi vào phòng, Q để túi ma túy trên giường, rồi H2 đưa Q lên phòng 502 gặp Huế, D. Tại đây, H2 tự lấy ma túy để sẵn trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy bật lửa châm đốt để sử dụng rồi để xuống bàn, rồi đến Q cũng tự cầm bật lửa châm đốt ma túy để sử dụng, Huế và D đều nhìn thấy H2, Q sử dụng ma túy, nhưng không ngăn cản. Sau đó, H2, Huế, D và Q thống nhất là sau khi bán 300 gam ma túy Ketamine cho C được lãi 30.000.000 đồng thì sẽ chia đều cho 4 người.

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 12/5/2023, chưa thấy C đến để giao dịch, H2 có việc gia đình nên nói với Q về trước, đồng thời H2 giao số ma túy mang theo

cho Q quản lý và dặn Q ở lại khi nào Huế bảo giao ma túy cho H thì giao và nhận tiền mang về cho H2. Sau khi H2 về, Q quay lại phòng 302 nghỉ để chờ giao ma túy. Do chờ lâu, nên khoảng 9 giờ 50 phút ngày 12/5/2023, Q mang theo số ma túy trên lên phòng 502 bảo với H và D không chờ nữa đi về, H và D đều bảo Q đợi thêm một lúc nữa, Q đồng ý và nhờ D ra ngoài mua đồ ăn giúp. Lúc này, Q để số ma túy mang theo trên giường, Huế tự mở túi ni lon xóc ra một ít cho vào một túi nylon (5,487 gam Ketamine) để trên cửa sổ Phòng 502, mục đích cho người mua thử hàng; số ma túy còn lại (267,432 gam ma túy Ketamine), Q mang xuống phòng 302 cất giấu trên tấm trần thạch cao trong phòng tắm thì bị Cơ quan Công an thị xã Q kiểm tra, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Thị Kiều H, Vũ Văn D, Nguyễn Khắc H2 và Trần Văn Q khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài ra, Nguyễn Khắc H2 khai về nguồn gốc số ma túy là do H2 mua của một người đàn ông tên Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại chân cầu T, thành phố Hà Nội cũng vào tối ngày 11/5/2023 với giá 195.000.000 đồng, đồng thời Đ cho H2 thêm 02 viên ma túy thuốc lắc (0,666 gam MDMA) để chào hàng, H2 mang về cất giấu tại nơi ở mục đích để bán thì Công an thị xã Q khám xét thu giữ; Trần Văn Q khai số ma túy (1,635 gam Ketamine, 0,168 gam MDMA) bị Công an thu giữ khi khám xét tại nơi ở của Q là của Q mua của người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực đường tàu thuộc quận L, thành phố Hải Phòng mục đích để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an khám xét thu giữ.

Vật chứng và đồ vật, tài sản tạm giữ: 06 phong bì mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Flip màu xanh lam kèm sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen kèm sim tạm giữ của Trần Thị Kiều H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh kèm sim, 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn D tạm giữ của Vũ Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh kèm sim, 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn Q, 01 chiếc đồng hồ đeo tay, dây da màu đen tạm giữ của Trần Văn Q; một số đồ vật (01 chiếc khăn màu trắng, 01 túi xách giả da màu đen, 02 đoạn ống nhựa và 02 chai nhựa; 02 bình thủy tinh hình trụ, 03 ống hút, 01 chiếc bật lửa, nhiều vỏ túi nylon trong suốt, 01 chiếc bật lửa) thu giữ tại phòng 302 và 502 nhà nghỉ SAPPHIRE, chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh và số tiền 298.000 đồng tạm giữ của Q, 1.000 đồng thu trong phòng 502 Cơ quan điều tra để trong tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh để quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 349/CT-VKSQN-P1 ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo: Trần Thị Kiều H và Vũ Văn D về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Khắc H2 và Trần Văn Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Kiều H, Vũ Văn D, Nguyễn Khắc H2 và Trần Văn Q khai nhận hành vi phạm tội như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và

thừa nhận bị truy tố, xét xử theo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Trần Thị Kiều H và Vũ Văn D phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Nguyễn Khắc H2 và Trần Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị Kiều H từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 24 năm đến 26 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 24 năm đến 26 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc H2 từ 18 năm đến 19 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/12/2023.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 14 năm đến 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đồ vật thu giữ: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Về số tiền 298.000 đồng tạm giữ của bị cáo Trần Văn Q không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Văn D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có gửi quan điểm bào chữa cho các bị cáo với nội dung: trong quá trình điều tra các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 14 năm đến 15 năm tù, xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khắc H2: nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố, đề

ngợi đối với bị cáo Nguyễn Khắc H2. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kiều H: nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố, đề nghị đối với bị cáo Trần Thị Kiều H. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với các bản Kết luận giám định ma túy của Phòng K1 Công an tỉnh Q; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 12/5/2023, tại nhà nghỉ S thuộc khu G, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Khắc H2, Trần Văn Q, Trần Thị Kiều H và Vũ Văn D đã có hành vi tàng trữ trái phép 272,919 gam Ketamine để bán cho đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ), nhưng chưa kịp bán, thì bị Công an thị xã Q kiểm tra hành chính phát hiện, thu giữ vật chứng; Vũ Văn D và Trần Thị Kiều H có hành vi tổ chức cho nhau và cho Nguyễn Khắc H2, Trần Văn Q sử dụng trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, MDMA.

Ngoài ra, cùng ngày 12/5/2023, tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Khắc H2 còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,666 gam ma túy MDMA; tại số nhà C, ngách C đường T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng,

Trần Văn Q còn có hành vi tàng trữ trái phép 1,635 gam Ketamine và 0,1668 gam MDMA, đều mục đích để bán thì bị Công an thị xã Q kiểm tra, phát hiện, thu giữ vật chứng.

Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện có tác hại nhiều mặt, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, là nguồn phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Nhưng vì hám lợi và ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Trần Thị Kiều H và Vũ Văn D đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Khắc H2 và Trần Văn Q đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo H là người trực tiếp thỏa thuận việc mua bán ma túy với đối tượng C và rủ các bị cáo D, H2 tham gia mua bán trái phép chất ma túy nên có vai trò đầu; các bị cáo D và H2 đều tích cực thực hiện hành vi liên hệ, tìm mua ma túy để cùng H bán kiếm lời chia nhau do vậy có vai trò cơ bản như nhau; bị cáo Trần Văn Q giúp sức trong việc cất giấu ma túy để bán nên giữ vai trò thấp hơn. Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo Trần Thị Kiều H và Vũ Văn D cùng chuẩn bị công cụ phạm tội, tổ chức cho nhau sử dụng ma túy và cho bị cáo H2 và bị cáo Q cùng sử dụng ma túy nên có vai trò như nhau.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trần Thị Kiều H, Vũ Văn D, Trần Văn Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Nguyễn Khắc H2 đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị Kiều H có ông ngoại là người hoạt động kháng chiến, có công với cách mạng, đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét thấy trước khi phạm tội, các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định và các mẫu vật trong phong bì niêm phong là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Flip vỏ màu xanh lam và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel vỏ màu đen thu của Trần Thị Kiều H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max vỏ màu xanh thu của Vũ Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu xanh thu của Trần Văn Q đều sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 1.000 đồng thu tại phòng 502 khách sạn SAPPHIRE sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- 04 sim điện thoại; 01 chiếc khăn màu trắng; 01 túi xách giả da màu đen; 01 đoạn ống nhựa dài khoảng 23cm được gắn bằng hai ống hút nhựa màu trắng và màu tím; 01 đoạn ống nhựa dài khoảng 15cm được gắn bằng ống hút nhựa màu da cam và giấy bạc quấn tròn; 01 chai nhựa màu trắng cao khoảng 20cm, nắp chai màu trắng và đục 02 lỗ; 01 bình thủy tinh hình trụ, trên thân bình có chữ “HUGO BOSS”; 02 ống làm bằng nhựa; 01 chiếc bật lửa; 01 túi nilon trong suốt, bên trong có chứa nhiều túi nilon trong suốt; 01 lọ thủy tinh trong suốt hình trụ tròn; 01 lọ nhựa dán nhãn STING có hai ống hút, một ống bằng nhựa màu đen, một ống bằng thủy tinh; 01 bình thủy tinh màu trắng; 01 ống hút bằng nhựa màu trắng đều đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 căn cước công dân số 031087010927 cấp ngày 11/8/2021, mang tên Vũ Văn D, sinh ngày 24/8/1987 là giấy tờ cá nhân nên trả lại cho bị cáo Vũ Văn D.

- 01 căn cước công dân số 031074006645 cấp ngày 19/11/2018, mang tên Trần Văn Q, sinh ngày 22/3/1974; 01 chiếc đồng hồ đeo tay dây da màu đen, hình vuông, mặt trước đồng hồ ghi chữ OMEG, đã qua sử dụng và số tiền 298.000 đồng tạm giữ của bị cáo Q là giấy tờ cá nhân và tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Trần Văn Q.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Liên quan trong vụ án: đối với đối tượng tên C là người đặt mua ma túy của Trần Thị Kiều H; đối tượng tên Đ là người đã bán ma túy cho Nguyễn Khắc H2 và người đàn ông bán ma túy cho Vũ Văn D đều không xác định được lai lịch, địa chỉ, nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Trần Thị Kiều H, Vũ Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Nguyễn Khắc H2, Trần Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kiều H: 17 (mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Thị Kiều H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn D: 17 (mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Văn D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Căn cứ vào điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc H2: 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/12/2023.

Căn cứ vào điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q: 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Flip vỏ màu xanh lam và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel vỏ màu đen thu của Trần Thị Kiều H; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max vỏ màu xanh thu của Vũ Văn D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu xanh thu của Trần Văn Q; số tiền 1.000 (một nghìn) đồng thu tại Phòng 502 khách sạn S1.

Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) phong bì niêm phong và 01 (một) bao dứa niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh Q; 04 (bốn) sim điện thoại; 01 (một) chiếc khăn màu trắng; 01 (một) túi xách giả da màu đen; 01 (một) đoạn ống nhựa dài khoảng 23cm được gắn bằng hai ống hút nhựa màu trắng và màu tím; 01 (một) đoạn ống nhựa dài khoảng 15cm được gắn bằng ống hút nhựa màu da cam và giấy bạc quấn tròn; 01 (một) chai nhựa màu trắng cao khoảng 20cm, nắp chai

màu trắng và đục 02 lỗ; 01 (một) bình thủy tinh hình trụ, trên thân bình có chữ “HUGO BOSS”; 02 (hai) ống làm bằng nhựa; 01 (một) chiếc bật lửa; 01 (một) túi nilon trong suốt, bên trong có chứa nhiều túi nilon trong suốt; 01 (một) lọ thủy tinh trong suốt hình trụ tròn; 01 (một) lọ nhựa dán nhãn STING có hai ống hút, một ống bằng nhựa màu đen, một ống bằng thủy tinh; 01 (một) bình thủy tinh màu trắng; 01 (một) ống hút bằng nhựa màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn D: 01 căn cước công dân số 031087010927 cấp ngày 11/8/2021, mang tên Vũ Văn D, sinh ngày 24/8/1987.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn Q: 01 căn cước công dân số 031074006645 cấp ngày 19/11/2018, mang tên Trần Văn Q, sinh ngày 22/3/1974; 01 chiếc đồng hồ đeo tay dây da màu đen, hình vuông, mặt trước đồng hồ ghi chữ OMEG, đã qua sử dụng; số tiền 298.000đ (hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Tình trạng vật chứng và tiền theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 70 ngày 03/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh và Biên bản giao nhận tài sản số 339/BBBG-CQCSĐT ngày 28/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Kho bạc Nhà nước tỉnh Q.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Thị Kiều H, Vũ Văn D, Nguyễn Khắc H2 và Trần Văn Q, mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra CA tỉnh QN;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh QN;
- Cục THADS tỉnh QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Duật